

Số: **2017** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **28** tháng **7** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại: STT 4, 5, 6, 13 điểm A mục 1 phần I tại Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020; STT 58, 59, 62 điểm C mục 2 phần I tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Cục trưởng Cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan khu vực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (công khai TTHC);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (...5...b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số ~~2017~~ 2017/QĐ-BTC ngày 28. tháng 8... năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1.	1.009076	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 1 điểm A mục 2 phần I)
2.	1.009055	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 1 điểm A mục 1 phần I)
3.	1.009056	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 2 điểm A mục

Handwritten mark

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
		quốc tế đi và đến Việt Nam, hàng hóa luân chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh	doanh hàng miễn thuế			1 phần I)
4.	1.009057	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên tàu bay xuất cảnh, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 3 điểm A mục 1 phần I)
5.	1.009062	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 7 điểm A mục 1 phần I)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
6.	1.009063	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 8 điểm A mục 1 phần I)
7.	1.009064	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 9 điểm A mục 1 phần I)
8.	1.009067	Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 10 điểm A mục 1 phần I)
9.	1.009069	Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 11 điểm A mục 1 phần I)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
10.	1.009070	Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 12 điểm A mục 1 phần I)
11.	1.009079	Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 2 điểm A mục 2 phần I)

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
1.	1.009071	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 13 điểm A mục 1 phần I)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
2.	1.009059	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 4 điểm A mục 1 phần I)
3.	1.009060	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 5 điểm A mục 1 phần I)
4.	1.009061	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020 (STT 6 điểm A mục 1 phần I)
5.	1.007881	Thủ tục hải quan đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng chuyển sang tái xuất	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 (STT 58 điểm C mục 2 phần I)
6.	1.007882	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng được đưa	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
		vào bán ở thị trường nội địa	07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế		cửa khẩu	25/12/2015 (STT 59 điểm C mục 2 phần I)
7.	1.007885	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế	Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 (STT 62 điểm C mục 2 phần I)



PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Đính kèm thủ tục theo các danh mục ở Phần I)

1. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi danh sách hàng hóa đưa vào/đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 08a, Mẫu số 08b, Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

Bước 2: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện phê duyệt hoặc không phê duyệt kèm lý do không phê duyệt cho doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin.

Bước 3: Sau khi nhận được phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, doanh nghiệp đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Khi doanh nghiệp đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, Hải quan kiểm tra đối chiếu thực tế hàng hóa với danh sách hàng hóa của doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc đưa hàng hóa vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP và gửi dữ liệu lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

- Trường hợp có nghi ngờ về danh sách hàng hóa, trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan phản hồi, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành Quyết định kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Việc tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Trường hợp phức tạp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra ghi trên quyết định kiểm tra.

Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo Mẫu số 11/BBKT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo kết quả kiểm tra thực tế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

1.2. Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- *Chi tiêu thông tin theo Mẫu số 08a, Mẫu số 08b, Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Danh sách hàng hóa theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: *Trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin.*

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.*

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.*

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của cơ quan hải quan.*

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam) theo Mẫu số 08a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

- *Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu) theo Mẫu số 08b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

- *Danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu) theo Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số*

273/2026/NĐ-CP.

- Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.



DANH SÁCH HÀNG HÓA ĐƯA VÀO/ ĐƯA RA CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ

(Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)

..., ngày tháng ... năm....

(01) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(02) Cửa hàng/kho chứa hàng:

(03) Danh sách hàng hóa:

(04) Loại tiền:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)

(11) ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(12) XÁC NHẬN HẢI QUAN QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO HÀNG MIỄN THUẾ

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

* **Ghi chú:** Tại chi tiêu số (04) ghi rõ loại tiền để khai trị giá hàng hóa tại cột số (09) như: VND, USD, EURO,...

HC

2. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1:

Doanh nghiệp gửi danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển hàng hóa với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo đúng thông tin đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản về việc vận chuyển.

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau và nằm ngoài khu vực cách ly, khu vực hạn chế chịu sự quản lý của cùng một đơn vị hải quan hoặc trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau nhưng cùng nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế: doanh nghiệp chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt thông tin gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu hải quan hoặc văn bản thông báo.

Bước 2:

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau nhưng cùng nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện phê duyệt hoặc không phê duyệt kèm lý do không phê duyệt thông tin luân chuyển hàng hóa cho doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin.

Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật và phê duyệt văn bản thông báo của doanh nghiệp về việc vận chuyển trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố.

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau và nằm ngoài khu vực cách ly, khu vực hạn chế chịu

sự quản lý của cùng một đơn vị hải quan: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện để vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế; thực hiện phê duyệt vận chuyển hàng hóa trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình ngay sau khi niêm phong hàng hóa. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp. Khi hàng hóa vận chuyển đến địa điểm, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra niêm phong, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế.

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau:

+ Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi thực hiện:

Giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan;

Căn cứ thông tin doanh nghiệp đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, thực hiện lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi căn cứ văn bản về việc vận chuyển (bản giấy) doanh nghiệp xuất trình, thực hiện lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP, giao cho doanh nghiệp để chuyển đến Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến;

Theo dõi thông tin về hàng hóa được vận chuyển đi, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;

Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

+ Hải quan nơi hàng hóa chuyển đến thực hiện:

Căn cứ biên bản bàn giao do Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế;

Xác nhận trên Hệ thống biên bản bàn giao hoặc xác nhận trên bản giấy của doanh nghiệp xuất trình và giao cho doanh nghiệp lưu trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố;



Theo dõi thông tin về hàng hóa vận chuyển, phối hợp với Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi để truy tìm trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;

Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
- Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Chi tiêu thông tin theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).
- Văn bản về việc vận chuyển hàng hóa (đối với trường hợp nộp trực tiếp).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau nhưng cùng nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế: Trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận thông tin.

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau và nằm ngoài khu vực cách ly, khu vực hạn chế chịu sự quản lý của cùng một đơn vị hải quan: Ngay sau khi niêm phong hàng hóa.

- Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau: Sau khi xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt của Hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

K

- Danh sách hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

3. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam, hàng hóa luân chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh

3.1. Trình tự thực hiện

*** Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam**

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06a, Mẫu số 06b và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay và trong vòng 24 giờ sau khi hàng hóa được vận chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP tới cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Bước 2: Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế, thực hiện phê duyệt Mẫu số 06/PGHKVTB và Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản của doanh nghiệp. Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc



phục, Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax, ...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế về việc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly:

Bước 1: Khi đưa tiền mặt, hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06a và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Doanh nghiệp chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục. Doanh nghiệp chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt Mẫu số 06/PGHKVTB, Mẫu số 07/BKTMKVTB do doanh nghiệp xuất trình.

Bước 2: Khi đưa tiền mặt, hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện chứa hàng miễn thuế, niêm phong hải quan và phê duyệt Mẫu số 06a, Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc Mẫu số 06/PGHKVTB và Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình.

Bước 3: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh thực hiện đối chiếu niêm phong hải quan khi phương tiện chứa hàng miễn thuế đưa vào khu cách ly. Kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trong khu cách ly trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Bước 4: Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong phương tiện vận chuyển hàng miễn thuế trước khi đưa phương tiện chứa hàng miễn thuế ra khỏi tàu bay. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng miễn thuế từ tàu bay về kho hàng miễn thuế. Trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện gửi thông tin về hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế theo Mẫu số 06b và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê



lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Bước 5: Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế được chuyển vào kho, kiểm tra niêm phong trên các phương tiện chứa hàng miễn thuế. Xác nhận Mẫu số 06b, Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc Mẫu số 06/PGHKVTB, Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP do doanh nghiệp xuất trình.

Đội trưởng Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển từ kho hàng miễn thuế đến khu cách ly trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

*** Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh**

Bước 1: Doanh nghiệp thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi hàng hóa được nhập vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh hoặc hàng hóa được đưa thẳng từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế nơi tàu bay xuất cảnh.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện lưu giữ phương tiện chứa hàng miễn thuế trong kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại khu vực riêng ở sân bay nhập cảnh có camera giám sát, đảm bảo phân biệt được với hàng hóa, phương tiện chứa hàng miễn thuế khác trong kho chứa hàng miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh.

Bước 3: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP do doanh nghiệp gửi trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa

HL

hàng miễn thuế tại sân bay nhập cảnh đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh.

Bước 4: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh thực hiện xác nhận lượng tiền mặt mang xuống tàu bay trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến.

Bước 5: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện niêm phong phương tiện chứa hàng miễn thuế, lập biên bản bàn giao phương tiện chứa hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP, cập nhật số niêm phong vào biên bản bàn giao.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, lập biên bản bàn giao phương tiện chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP, giao 01 bản biên bản bàn giao cho doanh nghiệp để chuyển phương tiện chứa hàng miễn thuế đến Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.

Bước 6: Doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hóa từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay nơi tàu bay xuất cảnh theo đúng thời gian ghi trên biên bản bàn giao.

Bước 7: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh căn cứ biên bản bàn giao, thực hiện giám sát phương tiện chứa hàng miễn thuế đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh; xác nhận trên Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên biên bản bàn giao do doanh nghiệp xuất trình và trả lại doanh nghiệp; cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 8: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của phương tiện chứa hàng miễn thuế, phối hợp với Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh để xác minh trong trường hợp quá thời gian ghi trên biên bản bàn giao nhưng phương tiện chứa hàng miễn thuế chưa được vận chuyển đến sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
- Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- * Thành phần hồ sơ:



- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 06a, Mẫu số 06b, Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 06/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan* hoặc ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình với cơ quan hải quan.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế.*

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Xác nhận của Hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

3.8. Phí, lệ phí: Không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay theo Mẫu số 06a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 06b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Phiếu giao nhận hàng hóa đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay theo Mẫu số 06/PGHKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Bảng kê lượng tiền mặt luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay theo Mẫu số 07/BKTMKVTB Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.



**PHIẾU GIAO NHẬN HÀNG HÓA ĐỐI VỚI HÀNG HÓA LUÂN
CHUYỂN GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ VÀ TÀU BAY**

....., ngày ... tháng ... năm ...

(01) Số phiếu giao nhận:/mã số thuế/PGHKVTB

(02) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(03) Số hiệu chuyến bay:

(04) Sân bay quốc tế đi:

Sân bay quốc tế đến (dự kiến):

(05) Thời gian khởi hành:

Thời gian đến (dự kiến):

(06) Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Lượng hàng hóa xuất kho bán trên chuyến bay quốc tế	Lượng hàng hóa đã bán phục vụ hành khách trên chuyến bay quốc tế		Lượng hàng hóa còn tồn trên chuyến bay quốc tế
				Chặng đi	Chặng về	
(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ngày đi:

**(14) ĐẠI DIỆN
DOANH
NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**(15) ĐẠI DIỆN
TIẾP VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(16) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN

Niêm phong HQ:

Mark nhôm định danh:

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

Ngày về:

**(17) ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**(18) ĐẠI DIỆN
TIẾP VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(19) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN

Mark nhôm định danh:

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

* **Ghi chú:** Đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly, cơ quan hải quan không cần phải điền nội dung Niêm phong HQ và Mark nhôm định danh tại chỉ tiêu (16) và chỉ tiêu (19).



BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MẶT LUÂN CHUYỂN GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ VÀ TÀU BAY

....., ngày ... tháng ... năm ...

(01) Số hiệu chuyển bay:

Ngày giờ bay:

(02) Từ sân bay:

Đến sân bay:

(03) Số hiệu phương tiện chứa hàng miễn thuế:

(04) Họ tên người giao tiền:

Chức vụ:

(05) Họ tên người nhận tiền:

Chức vụ:

Tiền mặt đưa lên tàu bay (06)			(07) Xác nhận của hải quan (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)	Tiền mặt mang xuống tàu bay (08)			(09) Xác nhận của hải quan (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)	Tổng tiền thu được không bằng tiền mặt (10)
STT	Loại tiền	Số lượng		STT	Loại tiền	Số lượng		

(11) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(12) TIẾP VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(13) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(14) TIẾP VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

* **Ghi chú:** Tại cột (06) và (08) ghi rõ loại tiền mang vào/ra khu cách ly như: VND, USD, EURO,...

HC

4. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên tàu bay xuất cảnh, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nhân viên bán hàng yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu hoặc các loại giấy tờ đi lại sau: Giấy thông hành trong trường hợp đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa hoặc khách xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly hoặc người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế; Giấy phép đi bờ của thuyền viên trong trường hợp đối tượng mua là thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam.

Trường hợp đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, nhân viên bán hàng yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu và thẻ lên tàu bay.

Bước 2: Nhân viên bán hàng kiểm tra định mức mua hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 273/2026/NĐ-CP, thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

Bước 3: Nhân viên bán hàng ghi nhận đầy đủ các thông tin về người mua hàng, thông tin chuyến bay hoặc phương tiện di chuyển, thông tin về hàng hóa theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

Bước 4: Doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin về người mua hàng, thông tin chuyến bay hoặc phương tiện di chuyển, thông tin về hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế: doanh nghiệp gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông tin trên ngay sau khi bán hàng miễn thuế.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trên máy bay: trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định (khi tàu bay thực hiện chuyến bay về Việt Nam), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông tin trên.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số

sc

273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

- Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 5: Doanh nghiệp xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) và lưu trữ hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn.

Bước 6: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Trường hợp bán hàng cho người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa:

+ Doanh nghiệp gửi Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (trừ trường hợp giao hàng ở nước ngoài theo yêu cầu của khách). Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì lập 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP và gửi dữ liệu lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao hàng hóa cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình hàng hóa và 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh.

Hải quan cửa khẩu xuất nơi người mua hàng xuất cảnh kiểm tra đối chiếu thực tế hàng hóa với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng; Xác nhận Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan do doanh nghiệp gửi. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, xác nhận, ký tên và đóng dấu công chức trên 02 Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP do doanh nghiệp xuất trình, giao 01 liên Phiếu giao hàng cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên. Sau khi

doanh nghiệp truyền dữ liệu về số phiếu giao hàng đã được xác nhận trên bản giấy, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

+ Trường hợp người mua hàng không đến nhận hàng tại quầy nhận hàng, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin hủy Phiếu giao hàng theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc hủy Phiếu giao hàng với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục. Sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt, doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa về cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế nơi hàng hóa đã xuất đi.

Hải quan cửa khẩu xuất nơi người mua hàng xuất cảnh niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển. Thực hiện cập nhật số niêm phong và phê duyệt thông tin hủy theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi niêm phong hàng hóa hoặc ghi rõ số niêm phong và phê duyệt văn bản do doanh nghiệp xuất trình.

Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra niêm phong, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế.

- Trường hợp người nhập cảnh tại sân bay quốc tế và hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế theo quy định:

Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế gửi thông tin theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế gửi 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 273/2026/NĐ-CP cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập. Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
- Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).

- Trường hợp bán hàng cho người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng



miễn thuế trong nội địa:

+ *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

+ *Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

- *Trường hợp người nhập cảnh tại sân bay quốc tế và hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế theo quy định:*

+ *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

+ *Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin do doanh nghiệp gửi lên.

- Trường hợp bán hàng cho người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa: Xác nhận của Hải quan cửa khẩu xuất nơi người mua hàng xuất cảnh trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Phiếu kê hàng hóa xuất bán cho khách hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

- *Trường hợp bán hàng cho người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa:*

+ *Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

+ *Phiếu giao hàng đối với khách mua hàng miễn thuế trong nội địa theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

K

- Trường hợp người nhập cảnh tại sân bay quốc tế và hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế theo quy định:

+ Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

+ Phiếu thông báo hàng vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.



Mẫu số 01/PTBHVĐM

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

PHIẾU THÔNG BÁO
HÀNG VƯỢT ĐỊNH MỨC CỦA KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu:

Số hiệu chuyến bay:

Số hóa đơn:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

XÁC NHẬN CỦA
CỬA HÀNG MIỄN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC
HẢI QUAN
(Ký, đóng dấu công chức)



**PHIẾU GIAO HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ TRONG NỘI ĐỊA**

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu/giấy thông hành của hành khách:

Số hiệu chuyến bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh (nếu có):

Số hóa đơn:

Ngày hóa đơn:

Cửa khẩu giao hàng:

Kho/cửa hàng xuất hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI MUA HÀNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN
BÁN HÀNG MIỄN THUẾ/
KHO HÀNG MIỄN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA
CÔNG CHỨC HẢI
QUAN CỬA KHẨU**
(Ký, đóng dấu số hiệu
công chức)

* **Ghi chú:** Nhân viên kho hàng miễn thuế chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, đề nghị được sử dụng hàng hóa tại kho hàng miễn thuế cửa khẩu khách xuất cảnh để giao cho khách hàng đã mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa (kho hàng miễn thuế tại sân bay và cửa hàng miễn thuế trong nội địa thuộc sự quản lý của một hoặc nhiều đơn vị hải quan khác nhau).

je

5. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

5.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Nhân viên bán hàng yêu cầu người mua hàng xuất trình Sổ định mức miễn thuế của tổ chức hoặc Sổ định mức miễn thuế của cá nhân kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp trừ trường hợp Sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia.

Bước 2: Nhân viên bán hàng nhập thông tin về định lượng hàng hóa tại Sổ định mức miễn thuế do người mua hàng xuất trình hoặc dữ liệu về Sổ định mức từ cổng thông tin một cửa quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền cập nhật (đối với trường hợp sử dụng Sổ lần đầu) theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 3: Xuất trình bản chính Sổ định mức mua hàng miễn thuế cho cơ quan hải quan để xác nhận định mức mua hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, trừ trường hợp Sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với người mua hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo Sổ định mức mua hàng miễn thuế, cơ quan hải quan kiểm tra bản chính Sổ định mức mua hàng miễn thuế hoặc kiểm tra trên cổng thông tin một cửa quốc gia về định lượng mua hàng miễn thuế, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan lượng hàng miễn thuế được phép mua của người mua hàng để hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trừ lùi định mức mua hàng miễn thuế.

Bước 4: Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 5: Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định. Cắt ô tem tương ứng mặt hàng đã bán trên Sổ định mức hàng miễn thuế và lưu ô tem tương ứng theo từng hóa đơn bán hàng. Lưu hóa đơn bán hàng theo quy định hiện hành về hóa đơn.

5.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

hoặc xuất trình trực tiếp cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế đối với khách hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo Sổ định mức mua hàng miễn thuế.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

5.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình trực tiếp cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế hoặc ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý của hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.*

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận của Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên Sổ định mức mua hàng miễn thuế.

5.8. Phí, lệ phí: Không

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Phiếu kê hàng hóa xuất bán cho khách hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

- *Thông tin sổ định mức miễn thuế theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

6. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế

6.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu.

K

Kiểm tra thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để bán hàng trong định lượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trong trường hợp bán hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam để chờ xuất cảnh.

Bước 2: Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: Gửi thông tin bán hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan ngay sau khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 3: Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng theo quy định.

Trường hợp bán hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam để chờ xuất cảnh: Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có), trên hóa đơn đầy đủ các thông tin họ tên, số hộ chiếu, quốc tịch của thuyền trưởng/người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh. Lưu hóa đơn bán hàng theo quy định hiện hành về hóa đơn.

Bước 4: Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế phục vụ cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam: Doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hóa vào kho của tàu. Lưu hóa đơn bán hàng có chữ ký của người mua hàng hoặc thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu và xác nhận của công chức hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên.

Bước 5: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế giám sát hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh.

Bước 6: Hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu thực hiện niêm phong kho của tàu chứa hàng miễn thuế, xác nhận hàng qua khu vực giám sát (ký tên, đóng dấu công chức hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

6.2. Cách thức thực hiện:



- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.*

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

6.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.*

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

6.8. Phí, lệ phí: Không

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu kê hàng hóa xuất bán cho khách hàng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

7. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách

7.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện việc khai báo hải quan và xuất trình hồ sơ hải quan (nếu có), gửi bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh *theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc Mẫu số 09/BKHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP trong trường hợp hệ thống gặp sự cố và 01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy thông hành (trang đầu và trang có đóng dấu xuất cảnh của cơ quan xuất nhập cảnh).*

Bước 2: *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế*

K6

thực hiện việc thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu.

7.2.Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- *Tờ khai hải quan;*
- *Hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị tương đương trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán.*

Trường hợp hóa đơn thương mại được cấp dưới dạng điện tử theo quy định tại điểm 2a Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ trước thời điểm khai báo hải quan thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan;

- *Giấy phép xuất khẩu hoặc văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật (sau đây gọi tắt là giấy phép xuất khẩu);*

- *Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành);*

- *Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư;*

- *Hợp đồng ủy thác đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép xuất khẩu, giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành, chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư;*

- *Đối với hàng hóa xuất khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền xuất khẩu: Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam do Bộ Công Thương cấp;*

- *Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu: Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa của thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài có đăng ký quyền xuất khẩu; Trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì nộp chứng từ tương đương. Trường hợp thực hiện thủ tục hải quan tại cùng một cơ quan hải quan thì người khai hải quan chỉ phải nộp các chứng từ quy định tại điểm g và điểm h khoản này lần đầu khi làm thủ tục hải quan.*



- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 09/BKHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

- *01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy thông hành (trang đầu và trang có đóng dấu xuất cảnh của cơ quan xuất nhập cảnh).*

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 23 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải:

+ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan;

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý của hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.*

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận thông quan hàng hóa.

7.8. Phí, lệ phí: 20.000 đồng

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Tờ khai hải quan theo Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày*

K

20/4/2018, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 và Phụ lục IV Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

- Bảng kê hàng hóa bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 09/BKHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC; Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Thông tư số 86/2025/TT-BTC ngày 28/8/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

HC

TÊN DOANH NGHIỆP
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN CHO KHÁCH XUẤT CẢNH

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/kho chứa hàng:

(04) Quốc gia/vùng lãnh thổ giao hàng:

STT	Số hóa đơn	Thông tin người mua hàng				Thông tin hàng hóa			
		Họ tên	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ số giấy thông hành/ số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế	Ngày hết hạn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)



8. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa

8.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi thông báo theo Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm Nghị định số 273/2026/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 273/2026/NĐ-CP cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Bước 2: Trước khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện hủy tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và lập biên bản về số tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã hủy.

8.2. Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
 - *Chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*
 - *Danh sách hàng hóa đưa vào/đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

8.8. Phí, lệ phí: Không



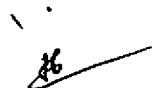
8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế (hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu) theo Mẫu số 08c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Danh sách hàng hóa đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 08/DSHH Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.



**DANH SÁCH HÀNG HÓA ĐƯA VÀO/ĐƯA RA CỬA HÀNG
MIỄN THUẾ, KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ**
(Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành
thủ tục nhập khẩu)

..., ngày tháng ... năm....

(01) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(02) Cửa hàng/kho chứa hàng:

(03) Danh sách hàng hóa:

(04) Loại tiền:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)

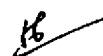
**(11) ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**(12) XÁC NHẬN HẢI QUAN
QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN
THUẾ, KHO HÀNG MIỄN THUẾ**

(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

* **Ghi chú:** Tại chi tiêu số (04) ghi rõ loại tiền để khai trị giá hàng hóa tại cột số (09) như: VND, USD, EURO,...



9. Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế

9.1. Trình tự thực hiện:

*** Thủ tục đối với hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng**

Bước 1: Doanh nghiệp có văn bản thông báo cụ thể về kế hoạch tiêu hủy cho *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế*.

Bước 2: *Doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy.*

Bước 3: Trên cơ sở nội dung biên bản và thực tế kiểm tra hàng hóa, công chức hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế ký tên, đóng dấu công chức xác nhận đối với hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng.

Bước 4: *Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.*

*** Thủ tục đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm)**

Bước 1: Khi xuất hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu lên cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp lập bảng kê theo *Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP* gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và nhận phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình bảng kê theo Mẫu số 10/BKHMT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục.

Bước 2: Định kỳ hàng tháng (trong 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng), tổng hợp số liệu hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu đã sử dụng, còn tồn của tháng trước theo *Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP* gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 3:

- Trường hợp số liệu báo cáo của doanh nghiệp không có nghi ngờ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan về số liệu báo cáo.

- Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ về số liệu doanh nghiệp báo cáo, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các hồ sơ liên quan. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của *Chi cục trưởng Chi cục Hải quan*. *Chi cục trưởng Chi cục Hải quan* giao *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng*

tc

miễn thuế tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Đối với trường hợp phức tạp, *Chi cục trưởng Chi cục Hải quan* ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo *Mẫu số 11/BBKT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP*. Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan về số liệu của doanh nghiệp theo kết luận kiểm tra.

9.2. Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
 - Văn bản thông báo về kế hoạch tiêu hủy
 - Biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy
 - *Chỉ tiêu thông tin tại Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*
 - *Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu theo Mẫu số 10/BKHMT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình đến *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế* hoặc ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan*.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.*

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với hàng hóa bị đồ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng: xác nhận của công chức hải quan trên biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy.

- Đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm): phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan* và xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan* về số liệu báo cáo.



9.8. Phí, lệ phí: Không

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu theo Mẫu số 10/BKHMT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

th

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

BẢNG KÊ HÀNG MẪU, HÀNG THỬ, TÚI, BAO BÌ NHẬP KHẨU

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/kho chứa hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

KG

10. Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế

10.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi dữ liệu theo *Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP* đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa tiền vào, tiền ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế.

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan qua phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu.

Bước 3: *Khi nhận được thông tin khai báo của doanh nghiệp, công chức hải quan kiểm tra các nội dung khai báo trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

Bước 4: Giám sát tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly, khu hạn chế và kiểm tra thực tế tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Bước 5: Công chức hải quan thực hiện xác nhận tiền qua khu vực giám sát trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế.

*** Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố**

Bước 1: Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo *Mẫu số 03/BKTMVR Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP* cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu. *Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự cố của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được khắc phục, doanh nghiệp gửi các thông tin trên bảng kê đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

Bước 2: Cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát việc đưa tiền mặt vào, ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế. Kiểm tra thực tế tiền mặt trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ngay sau khi hoàn thành việc kiểm tra tiền mặt (đối với trường hợp phải kiểm tra thực tế) hoặc tiền mặt qua khu vực giám sát, cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

10.2. Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:

- *Chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 03/BKTMVR Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình trực tiếp cho cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Hải quan cửa khẩu.*

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố: xác nhận trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế do doanh nghiệp xuất trình.

10.8. Phí, lệ phí: Không

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

- Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 03/BKTMVR Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

HC

**BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MANG VÀO/RA
KHU CÁCH LY, KHU HẠN CHẾ**

....., ngàythángnăm....

(1) Tên doanh nghiệp:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã số thuế:

(4) Cửa hàng:

Tiền mặt đưa vào khu cách ly, khu hạn chế				Tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế				Tổng tiền thu được không bằng tiền mặt	
Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức hải quan giám sát khi đưa vào khu cách ly	Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức hải quan giám sát khi đưa ra khỏi khu cách ly	Loại tiền	Số lượng
	Loại tiền	Số lượng			Loại tiền	Số lượng			
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**(15) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN
VÀO KHU CÁCH LY**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**(16) ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN
RA KHỎI KHU CÁCH LY**
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:** Tại cột (6) và cột (10), (13) ghi rõ loại ngoại tệ mang vào/ra khu cách ly như: USD, EURO, ...

HC

11. Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế

11.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế: nộp báo cáo quyết toán theo nguyên tắc nhập - xuất - tồn kho theo *Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, doanh nghiệp xuất trình báo cáo quyết toán theo Mẫu số 05/BCQT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP cho cơ quan hải quan.*

Bước 2: Doanh nghiệp cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra báo cáo quyết toán khi được cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định.

Bước 3: *Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tiếp nhận báo cáo quyết toán tình hình kinh doanh hàng miễn thuế do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp, kiểm tra báo cáo quyết toán và thực hiện:*

- Đối với báo cáo quyết toán phải thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan phải thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán.

- Đối với báo cáo quyết toán không thuộc trường hợp phải kiểm tra, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phản hồi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đến doanh nghiệp về báo cáo quyết toán được chấp nhận, không thực hiện kiểm tra. Đồng thời xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan* việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

11.2. Cách thức thực hiện:

- *Trực tuyến thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*
- *Trực tiếp tại cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố.*

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- *Chi tiêu thông tin theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tuyến).*

- *Báo cáo quyết toán theo Mẫu số 05/BCQT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp nộp trực tiếp).*

- Hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có).



* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

11.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử *hải quan* đối với việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

11.8. Phí, lệ phí: Không

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP

- Báo cáo quyết toán kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 05/BCQT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

th

Tên doanh nghiệp
kinh doanh hàng miễn thuế
Mã số thuế:
Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ
Năm:.....

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng											Ghi chú
				Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ		
				Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Xuất bán	Chuyển tiêu thụ nội địa	Đưa trở lại nội địa	Tái xuất	Tiêu hủy	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng.....năm....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

đc

Ghi chú:

1. Mã hàng hóa cột (03) là mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp.
2. Báo cáo bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm hàng mẫu, hàng thử, túi bao bì nhập khẩu (nếu có).
3. Trường hợp hàng mẫu, hàng thử, túi bao bì nhập khẩu đã sử dụng hết thì doanh nghiệp kê khai vào cột xuất bán (09) và ghi chú cụ thể vào cột (16) là hàng mẫu, hàng thử hoặc túi bao bì nhập khẩu.
4. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa cửa hàng miễn thuế và kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các đơn vị hải quan khác nhau thì thực hiện như sau:
 - a) Tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện việc xuất hàng hóa sang cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc đơn vị hải quan khác quản lý:
 - Hàng hóa khi đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có nguồn gốc “tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan” thì khi xuất kho tại báo cáo quyết toán ghi vào xuất trong kỳ tại cột tái xuất (12).
 - Hàng hóa khi đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có nguồn gốc “từ nội địa” thì khi xuất kho tại báo cáo quyết toán xuất trong kỳ tại cột đưa trở lại nội địa (11).
 - b) Tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện nhập hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc đơn vị hải quan khác quản lý:
 - Hàng hóa có nguồn gốc “tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan” thì khi nhập kho ghi vào cột tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan (5).
 - Hàng hóa có nguồn gốc nội địa thì nhập trong kỳ ghi vào cột từ nội địa (6).

